TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: **48/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 18/8/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Phạm Thị Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 139/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Khu phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú: 565a Nơ T Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984; ĐKHKTT và trú tại: xóm 16, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Q, là quê của anh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh B tại xóm 16, xã Q được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022

Theo chị T nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh B là do anh B chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh B không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng mâu thuẫn trong một thời gian dài nhưng vì con cái nên chị chấp nhận chung sống. Đến tháng 8 năm 2022, vì không thể chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, ly thân với anh B. Tuy nhiên anh B

không để cho chị yên ổn làm ăn, nuôi dạy con cái mà thường xuyên đến nhà quấy phá. Do vậy chị phải đi làm ăn xa để kiếm tiền T trải cuộc sống và nuôi các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: chị xác định vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015. Hiện cả 3 cháu đang ở với anh B. Khi ly hôn, chị nhường quyền nuôi cả 3 con cho anh B và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B mỗi tháng 3.000.000đ cho cả 3 cháu. Cụ thể, cháu Nguyễn Thị Bích H mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H thành niên; cháu Nguyễn Thị Trà M mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi cháu M thành niên; cháu H1 mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H1 thành niên.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn B trong Đơn trình bày ngày 06/7/2023, Bản tự khai ngày 07/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị T đã nêu. Trong thời gian anh và chị T chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do chị T chơi bời, không tu chí làm ăn, có mối quan hệ bất chính với nhiều người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không thay đổi. Mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chưa Bo giờ xúc phạm hay đánh đập chị T. Đến tháng 7 năm 2022, chị T tự ý bỏ nhà đi, cắt đứt liên hệ với anh và các con. Anh đã nhiều lần đi tìm và khuyên chị T quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái nhưng chị T không quay về, nhiều lần thay đổi chỗ ở nên anh không thể liên lạc được. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh B cũng xác định vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015. Hiện nay cả 3 cháu đang ở với anh B. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh vì từ khi vợ chồng sống ly thân, chị T không hỏi han, thăm nom, chu cấp gì. Với mức thu nhập hiện tại của anh, anh có thể tự nuôi cả 3 con mà không cần chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc, chị T và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh B có mặt tham gia và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu như trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án. Anh đồng ý với mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như chị T đã đề xuất.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015 đều thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cả 3 cháu đều có nguyện vọng được ở với anh B khi anh B và chị T ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B; giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015. Chị Phan Thị Thu T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn B, cư trú tại xóm 16, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Nguyên đơn đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T xác định do do anh B chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh B không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng mâu thuẫn trong một thời gian dài nhưng vì con cái nên chị chấp nhận chung sống. Đến tháng 8 năm 2022, vì không thể chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, ly thân với anh B. Tuy nhiên anh B không để cho chị yên ổn làm ăn, nuôi dạy con cái mà thường xuyên đến nhà quấy phá. Do vậy chị phải đi làm ăn xa để kiếm tiền T trải cuộc sống và nuôi các con. Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho trình bày này.

Về phía anh B, anh xác định việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị T chơi bời, không tu chí làm ăn, có mối quan hệ bất chính với nhiều người đàn ông khác. Anh cung cấp tài liệu chứng cứ là một số bản ảnh chụp của chị T với một số người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không thay đổi. Mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chưa Bo giờ xúc phạm hay đánh đập chị T. Đến tháng 7 năm 2022, chị T tự ý bỏ nhà đi, cắt đứt liên hệ với anh và các con. Anh đã nhiều lần đi tìm và khuyên chị T quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái nhưng chị T không quay về, nhiều lần thay đổi chỗ ở nên anh không thể liên lạc

được. Chị T có yêu cầu ly hôn, anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh B tại UBND Q là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị T, anh B không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh B và chị T chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy, mặc dù việc xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị T và anh B đều xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài và sống ly thân từ khoảng tháng 8/2022. Các bên đều không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh B hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh B là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :

Chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B đều xác nhận vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015. Khi ly hôn, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 3 con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con

Về phía chị T, chị đồng ý nhường quyền nuôi cả 3 con cho anh B và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B mỗi tháng 3.000.000đ cho cả 3 cháu. Cụ thể, cháu Nguyễn Thị Bích H mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Hồng thành niên; cháu Nguyễn Thị Trà M mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi cháu M thành niên; cháu H1 mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H1 thành niên

Thực tế từ khi sống ly thân, cả 3 con chung ở với anh B, do anh B nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/9/2015 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh B khi anh B và chị T ly hôn.

Anh B sau khi được Hội đồng xét xử giải thích về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh nhất trí để chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với và cũng đồng ý với mức đóng góp như chị T đã nêu.

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cả 3 con chung cho anh B nuôi dưỡng và chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B theo mức mà chị T đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản chung:

Chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Bích Hồng, sinh ngày 22/3/2011, Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/12/2013 và Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 30/9/2015.

Chị Phan Thị Thu T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B mỗi tháng 3.000.000đ cho cả 3 cháu. Cụ thể, cháu Nguyễn Thị Bích H mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 8/2023 đến khi cháu H thành niên; cháu Nguyễn Thị Trà M mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi tháng 8/2023 đến khi cháu M thành niên; cháu H1 mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu H1 thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4967 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn phải nộp 300.000đ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(***Đã ký)***

Phạm Thế Anh

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Lai Thành;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh